

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của nghiên cứu

Quản lý thuế là một nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế, đóng vai trò trọng yếu trong việc xác định hiệu quả của hệ thống thuế, đảm bảo việc tuân thủ và thực thi chính sách thuế một cách hiệu quả. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của quản lý thuế là đảm bảo mức tuân thủ tối đa nghĩa vụ thuế của đối tượng nộp thuế. Các cơ quan quản lý thuế trên cả nước còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế trong việc đảm bảo mức tuân thủ nghĩa vụ thuế của các đối tượng nộp thuế, nhất là đối tượng doanh nghiệp, cũng là đối tượng đóng góp với tỷ trọng nhiều nhất, để hoàn thành các nghĩa vụ thu NSNN.

Trong nhiều năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh luôn dẫn đầu về thu – nộp NSNN, chủ yếu là thu thuế với mức đóng góp hàng năm khoảng 1/3 tổng thu NSNN của cả nước. Trong đó, đối tượng doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp NSNN chiếm khoảng 1/4 số thu từ các doanh nghiệp trên toàn quốc và đóng góp khoảng 1/10 tổng số thu NSNN cả nước. Quản lý thuế như thế nào để nâng cao mức tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh luôn là mối quan tâm hàng đầu của các cơ quan quản lý nói chung, và cơ quan quản lý thuế nói riêng, tại Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo nguồn thu NSNN. Để tăng cường quản lý thuế nhằm thúc đẩy tuân thủ thuế của doanh nghiệp, cần tìm hiểu các yếu tố quản lý thuế nào có tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp, từ đó tìm ra các giải pháp nâng cao mức tuân thủ của doanh nghiệp.

Về mặt lý luận, đề tài nghiên cứu về quản lý thuế và tuân thủ thuế đã được nhiều nhà nghiên cứu khai thác theo nhiều phương pháp và khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, chưa có một mô hình nào có thể phát họa toàn diện bức tranh về quản lý thuế và tuân thủ thuế của các nước và tại Việt Nam.

Do đó, tác giả đã lựa chọn đề tài **“Quản lý thuế nhằm thúc đẩy tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh”** là đề tài

nghiên cứu, chuyên ngành Tài chính – Ngân Hàng.

## **2. Câu hỏi nghiên cứu**

Thứ nhất, các nghiên cứu về quản lý thuế nhằm thúc đẩy tuân thủ thuế của doanh nghiệp còn những khoảng trống nào chưa nghiên cứu?

Thứ hai, thực trạng quản lý thuế đối với doanh nghiệp và thực trạng tuân thủ theo pháp luật thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh như thế nào? Thành tựu và hạn chế của thực trạng quản lý thuế và tuân thủ thuế của doanh nghiệp, nguyên nhân của những hạn chế này là gì?

Thứ ba, các nhân tố quản lý thuế nào ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh? Các nhân tố này có mức độ ảnh hưởng (có ý nghĩa thống kê) như thế nào thông qua mẫu khảo sát?

Thứ tư, giải pháp nào để tăng cường quản lý thuế nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới dựa trên kết quả nghiên cứu định tính và định lượng?

## **3. Mục tiêu nghiên cứu**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Phân tích và đánh giá ảnh hưởng và tác động giữa quản lý thuế và hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp, khám phá và đo lường mức độ ảnh hưởng và tác động của các nhân tố quản lý thuế đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, trên cơ sở đó gợi ý các giải pháp tăng cường quản lý thuế nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

Thứ nhất, hệ thống hóa lý thuyết về quản lý thuế, hành vi tuân thủ thuế, các nhân tố quản lý thuế ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp.

Thứ hai, xác định các nhân tố quản lý thuế ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, kiểm định và đo lường mức độ tác động của các

nhân tố này đến tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế, mức độ tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý thuế nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu* của đề tài là lý thuyết và thực trạng của quản lý thuế và tuân thủ thuế của doanh nghiệp, các nhân tố quản lý thuế có tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi nghiên cứu của luận án được thực như sau:

*Về nội dung:* Thứ nhất, Quản lý thuế theo nghĩa hẹp, tức là quản lý hành chính về thuế của cơ quan thuế với các hoạt động chính bao gồm tổ chức, điều hành, quản lý thu nộp thuế, đối với đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp. Trong đó, nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động quản lý thuế của cơ quan thuế đối với doanh nghiệp và thực trạng tuân thủ theo pháp luật thuế của doanh nghiệp. Thứ hai, Xác định các nhân tố quản lý thuế nào có tác động đến hành vi tuân thủ theo pháp luật về thuế của doanh nghiệp? Nghiên cứu kiểm định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố quản lý thuế đến hành vi tuân thủ theo pháp luật thuế của doanh nghiệp. Thứ ba, Đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý thuế để nâng cao mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp.

*Về không gian:* các doanh nghiệp kê khai và nộp thuế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do Cục thuế và các Chi cục thuế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

*Về thời gian:* dữ liệu thống kê trong 5 năm gần đây (2015 – 2019) và dữ liệu do tác giả khảo sát, thu thập trong năm 2018 và 2019.

#### **5. Điểm mới và đóng góp của luận án**

*Về mặt khoa học,* luận án đóng góp những nội dung sau:

Thứ nhất, luận án bổ sung thêm bằng chứng về tác động của các nhân tố quản lý thuế và đặc điểm doanh nghiệp đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp, trong đó có các nhân tố kế thừa từ các nghiên cứu trước đó, và các nhân tố mới thêm vào mô hình nghiên cứu dựa trên cơ sở pháp lý về quản lý thuế của Việt Nam.

Thứ hai, luận án xây dựng, phát triển thang đo về các nhân tố quản lý thuế tác động đến tuân thủ thuế của đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp.

Thứ ba, luận án đóng góp thêm một phần cơ sở lý thuyết về các nhân tố quản lý thuế tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp, giải quyết một khía cạnh của khoảng trống nghiên cứu liên quan đến đề tài này.

*Về mặt thực tiễn*, luận án đóng góp những nội dung sau:

Thứ nhất, luận án đề xuất các giải pháp liên quan đến quản lý thuế nhằm nâng cao mức tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Những giải pháp này dựa trên kết quả nghiên cứu định tính và định lượng, kiểm định mô hình nghiên cứu thông qua khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn.

Thứ hai, luận án cung cấp luận cứ khoa học cho các giải pháp tăng cường quản lý thuế nhằm nâng cao tuân thủ thuế của các doanh nghiệp; cung cấp cơ sở khoa học cho các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam hoàn thiện các chính sách quản lý thuế;

Thứ ba, luận án cung cấp nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh và học viên cao học quan tâm trong lĩnh vực quản lý thuế và tuân thủ thuế.

## **6. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, luận án được kết cấu thành 5 chương:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về quản lý thuế và tuân thủ thuế

Chương 2: Cơ sở lý luận về quản lý thuế và tuân thủ thuế

Chương 3: Phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Thực trạng quản lý thuế và tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 5: Giải pháp tăng cường quản lý thuế để thúc đẩy tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh

## **CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ THUẾ VÀ TUÂN THỦ THUẾ**

### **1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu ở nước ngoài**

Tuân thủ thuế là một chủ đề đã nhận được sự quan tâm và nghiên cứu của rất nhiều học giả trong lĩnh vực quản lý, chính trị học, kinh tế học, tâm lý học và xã hội học. Theo Tran-Nam và cộng sự (2013), về cơ bản, có thể chia các mô hình tuân thủ thuế này thành ba (3) nhóm, bao gồm các mô hình ngăn chặn hành vi không tuân thủ (Allingham và Sandmo, 1972; Yitzhaki, 1974), các mô hình tâm lý học tài chính (Schmölders, 1959; Strümpel, 1969) và các mô hình kinh tế học hành vi (Hashimzade, Myles và Tran-Nam, 2013). Cowell (2003) và Tran-Nam và cộng sự (2013) đều cho rằng không có mô hình nào có thể giải thích một cách toàn diện và thống nhất tất cả các hành vi tuân thủ thuế được nghiên cứu và quan sát trong thực tiễn. Marandu và cộng sự (2014) có cùng quan điểm trên và cho rằng các mô hình lý thuyết khác nhau về tuân thủ thuế nên được xem là bổ sung những khía cạnh khác nhau của các nhân tố khác nhau tác động đến tuân thủ thuế.

Vito (1991) cho rằng quản lý thuế đóng vai trò trọng yếu trong việc xác định hiệu quả của hệ thống thuế. Theo Erard và cộng sự (1994), thực hiện quản lý thuế tốt là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tuân thủ và thực thi chính sách thuế một cách hiệu quả và hiệu suất. Sự tồn tại của tất cả hệ thống quản lý thuế là để đảm bảo NNT tuân thủ luật thuế. Bird (2008) bổ sung quan điểm rằng quản lý thuế đóng vai trò rất quan trọng, và một nhiệm vụ trọng yếu của quản lý

thuế đó là đảm bảo mức tuân thủ tối đa của đối tượng nộp thuế đối với nghĩa vụ của tất cả các loại thuế.

## **1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu ở Việt Nam**

Ở Việt Nam, đề tài tuân thủ thuế cũng được các nhà nghiên cứu khai thác bằng cả phương pháp định tính và định lượng. Các nghiên cứu về tuân thủ thuế điển hình của Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), Nguyễn Thị Thanh Hoài và cộng sự (2011), Nguyễn Hoàng và Đào Thị Phương Liên (2013), Đặng Thị Bạch Vân (2014), Lèng Hoàng Minh (2017) sử dụng phương pháp khảo sát, tổng hợp phân tích số liệu quản lý thuế và đánh giá qua điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi để đánh giá tính tuân thủ thuế của NNT ở Việt Nam. Bên cạnh đó, một số tác giả ứng dụng các mô hình kinh tế lượng để kiểm định các nhân tố tác động đến tuân thủ thuế của đối tượng nộp thuế như Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hoàng Quân (2012), Nguyễn Tiến Thúc (2013); Phan Thị Mỹ Dung và Lê Quốc Hiếu (2015); Bùi Ngọc Toàn (2017), Phạm Thị Mỹ Linh (2019).

Các nghiên cứu đồng thời về quản lý thuế và tuân thủ thuế chưa được khai thác nhiều. Một số nghiên cứu về tuân thủ thuế có đề cập đến các nhân tố liên quan đến quản lý thuế như Nguyễn Tiến Thúc (2013), Bùi Ngọc Toàn (2017), Lèng Hoàng Minh (2017).

## **1.3. Kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu**

Các nhà nghiên cứu đã xây dựng nên nhiều mô hình nghiên cứu về hành vi tuân thủ/ không tuân thủ của đối tượng nộp thuế. Tuy nhiên, không có một mô hình nào có thể phác họa toàn diện bức tranh về tuân thủ thuế. Đồng thời các nghiên cứu đề xuất và khai phá rất nhiều nhân tố tác động đến tuân thủ thuế của đối tượng nộp thuế từ nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau. Việc này cũng gây khó khăn cho các nhà nghiên cứu tiếp theo khi chọn lựa bộ biến số để nghiên cứu về đề tài tuân thủ thuế. Từ các nghiên cứu trên thế giới, các nghiên cứu ở Việt Nam kế thừa khung lý thuyết về các mô hình và các nhân tố tác động đến tuân thủ thuế của đối tượng nộp thuế. Các nghiên cứu này đều khái quát hóa

được các nhân tố chính tác động đến tuân thủ thuế như đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, Đặc điểm tâm lý của chủ/người quản lý doanh nghiệp, đặc điểm ngành của doanh nghiệp, nhân tố xã hội, nhân tố kinh tế, và nhân tố pháp luật.

Về phương pháp nghiên cứu, các nghiên cứu ở nước ngoài được thực hiện bằng phương pháp định tính, định lượng hoặc kết hợp cả hai phương pháp. Các nghiên cứu ở Việt Nam chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp định tính kết hợp khảo sát, tổng hợp, phân tích. Có một số ít nghiên cứu kiểm định mô hình định lượng để xác định các nhân tố tác động đến tuân thủ thuế của NNT.

Vai trò quan trọng của quản lý thuế đối với hệ thống thuế cũng như nhiệm vụ trọng yếu của quản lý thuế trong việc đảm bảo mức tuân thủ thuế được khẳng định trong nhiều nghiên cứu ở nước ngoài. Các cơ quan quản lý thuế đều muốn nâng cao mức độ tuân thủ thuế của NNT thông qua quản lý thuế. Trong rất nhiều nhân tố tác động đến tuân thủ thuế, các nhân tố thuộc phạm vi quản lý thuế hoặc quản lý thuế có thể ảnh hưởng đến các nhân tố này, tiêu biểu như: tuyên truyền hỗ trợ, quản lý đăng ký, kê khai và thu thuế, thanh tra kiểm tra thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế, giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế, chất lượng dịch vụ thuế, ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế.

#### **1.4. Khoảng trống nghiên cứu và đề xuất nghiên cứu của luận án**

Các công trình nghiên cứu kể trên đã đề cập và giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý thuế và tuân thủ thuế, đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao mức tuân thủ thuế của NNT. Tuy nhiên, về mặt thực tiễn, vấn đề NNT không tuân thủ theo pháp luật thuế và làm thất thoát nguồn thu NSNN vẫn còn tồn tại tại Việt Nam nói chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Về mặt lý thuyết, các công trình nghiên cứu ở Việt Nam chưa đi sâu vào phân tích định tính và định lượng về mối quan hệ giữa quản lý thuế và hành vi tuân thủ thuế của NTT, đặc biệt là đối tượng doanh nghiệp nộp thuế. Các nhân tố quản lý thuế hoặc đặc điểm của cơ quan thuế được đề xuất trong một số mô

hình nghiên cứu liên quan đến tuân thủ thuế của NTT, nhưng chưa đi sâu khai thác ảnh hưởng của nó đến tuân thủ thuế dưới góc độ quản lý thuế chung để nâng cao mức độ tuân thủ thuế của NTT nói chung, và của doanh nghiệp nộp thuế nói riêng. Bên cạnh đó, về mặt phạm vi nghiên cứu, một số công trình nghiên cứu về đề tài tuân thủ thuế đã được khai thác theo hướng các nhân tố tác động đến tuân thủ thuế của NTT, hoặc không tuân thủ thuế của NTT trên phạm vi cả nước Việt Nam hoặc tại một địa phương, thành phố. Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa khai thác theo hướng các nhân tố quản lý thuế tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà tác giả sẽ khai thác trong luận án.

Từ những khoảng trống nghiên cứu về mặt thực tiễn, lý thuyết và phạm vi nghiên cứu, tác giả cho rằng vấn đề nghiên cứu về quản lý thuế nhằm tăng cường tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh là một vấn đề đảm bảo được tính thời sự cấp thiết và tính độc lập so với các công trình nghiên cứu nói trên. Do đó, tác giả chọn luận án “Quản lý thuế nhằm thúc đẩy tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh” để thực hiện luận án tiến sĩ của mình.

## **CHƯƠNG 2 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ VÀ TUÂN THỦ THUẾ**

### **2.1. Tổng quan về quản lý thuế và tuân thủ thuế**

#### **2.1.1. Quản lý thuế**

Có nhiều quan điểm về quản lý thuế từ nhiều nhà nghiên cứu và tác giả trong và ngoài nước: Tanzi và Pellechio (1995), Cơ quan quản lý thuế và hải quan của Hà Lan (2000), Ott (1998), Dương Thị Bình Minh (2005), Lê Xuân Trường và cộng sự (2016).

Trong nội dung nghiên cứu đề tài này, tác giả vận dụng quan điểm quản lý thuế theo nghĩa hẹp, tức là quản lý hành chính về thuế của cơ quan thuế các cấp



từ trung ương đến địa phương với các hoạt động chính bao gồm tổ chức, điều hành, quản lý thu nộp thuế đối với các NNT là đối tượng nộp thuế được xác định trong luật quản lý thuế. Nội dung nghiên cứu về quản lý thuế chủ yếu bao gồm các hoạt động của cơ quan quản lý thuế trong triển khai các nội dung quản lý nhằm thực thi có hiệu quả chính sách pháp luật về thuế. Quy trình quản lý thuế luôn gắn với quá trình cơ quan quản lý thuế (chủ thể quản lý) sử dụng các chức năng quản lý tác động tới đối tượng nộp thuế (khách thể quản lý) nhằm đạt được các mục tiêu quản lý.

### **2.1.2. Tuân thủ thuế**

Có nhiều quan điểm về tuân thủ thuế theo cách tiếp cận về pháp lý từ các tác giả Alm (1991), Cơ quan quản lý thuế của Úc (1996), Andreoni và cộng sự (1998), James và Alley (1999). Có nhiều quan điểm về tuân thủ thuế theo cách tiếp cận về hoạt động từ OECD (2004), Cơ quan quản lý thuế của Mỹ (IRS), Lewis và cộng sự (2009).

Trong nghiên cứu của luận án, tác giả vận dụng quan điểm tuân thủ thuế của theo cách tiếp cận về hoạt động để đánh giá tuân thủ thuế trong mô hình nghiên cứu. Tuân thủ thuế được đánh giá dựa trên bốn khía cạnh: đăng ký thuế, kê khai và tính thuế, báo cáo thông tin về thuế và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế.

#### *Tuân thủ thuế của doanh nghiệp*

Trên cơ sở khái niệm chung về tuân thủ thuế, đối tượng doanh nghiệp được xem là tuân thủ theo pháp luật thuế nếu doanh nghiệp tuân thủ các nghĩa vụ đăng ký thuế, kê khai, tính thuế, báo cáo thông tin về thuế và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định pháp luật về thuế hiện hành. Quyết định liên quan đến nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quyết định và chịu trách nhiệm. Lý thuyết người đại diện giải thích mối quan hệ giữa các cổ đông, người đại diện quản lý doanh nghiệp và các bên thứ ba trong quá trình quản lý doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với

nhà nước theo quy định của pháp luật. Nhìn chung, trong các nghiên cứu về quản lý thuế, người quản lý doanh nghiệp, người đại diện trong lý thuyết người đại diện, đóng vai trò chủ yếu khi đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ hoặc không tuân thủ nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

*Phân loại tuân thủ thuế:* Căn cứ vào tính chất tuân thủ (Tuân thủ hành chính và Tuân thủ kỹ thuật); Căn cứ vào nội dung tuân thủ (Tuân thủ trong việc đăng ký thuế; Tuân thủ trong việc nộp hồ sơ khai thuế; Tuân thủ trong việc báo cáo các thông tin đầy đủ và chính xác; và Tuân thủ trong việc nộp thuế); Căn cứ vào mức độ tuân thủ (sẵn sàng tuân thủ, có cố gắng, nhưng không phải luôn thành công trong việc tuân thủ thuế, không muốn tuân thủ, nhưng sẽ tuân thủ nếu như bị chú ý giám sát, quyết định không tuân thủ).

*Các nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế:* Xét về khía cạnh quản lý thuế và hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp, các nhân tố chính tác động đến hành vi tuân thủ thuế có thể bao gồm: các nhân tố kinh tế; các nhân tố chính sách pháp luật về thuế; các nhân tố thuộc quản lý thuế; các nhân tố thuộc về doanh nghiệp; và các nhân tố khác.

### **2.1.3. Mối quan hệ giữa quản lý thuế và tuân thủ thuế**

Quản lý thuế tốt là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự tuân thủ của NNT và thực thi chính sách thuế một cách hiệu quả. Như vậy, sự tuân thủ của NNT vừa có thể là mục tiêu, vừa có thể là kết quả của quản lý thuế hiệu quả. Đảm bảo và không ngừng nâng cao mức tuân thủ của NNT luôn là mục tiêu và kết quả mong muốn của các cơ quan quản lý thuế. Mối quan hệ giữa quản lý thuế và tuân thủ thuế cũng được nhiều tác giả nghiên cứu thực nghiệm.

## **2.2. Các mô hình lý thuyết về quản lý thuế và tuân thủ thuế**

Các mô hình lý thuyết về quản lý thuế và tuân thủ thuế phổ biến như: Mô hình tâm lý hành vi phổ biến, Mô hình tuân thủ ATO, Mô hình tuân thủ của Allingham và Sandmo, Mô hình tuân thủ của Fischer và cộng sự.

### **2.3. Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**

Từ những nội dung quản lý thuế hướng đến nâng cao mức tuân thủ thuế tại các nước, Việt Nam có thể học hỏi một số kinh nghiệm trong quá trình nâng cao quản lý thuế như sau: tập trung nghiên cứu và thực hiện quản lý thuế theo mức độ tuân thủ của đối tượng nộp thuế; xác định đối tượng nộp thuế là khách hàng; tăng cường đầu tư phát triển công nghệ thông tin trong quản lý thuế; tăng cường chủ động hỗ trợ đối tượng nộp thuế; tăng cường phương pháp quản lý thuế thông qua tăng cường áp dụng quản lý và kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm (quản lý rủi ro).

## **CHƯƠNG 3 – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, bao gồm phương pháp định tính kết hợp phương pháp định lượng. Phương pháp định tính được thực hiện thông qua việc phỏng vấn các chuyên gia trong ngành thuế và thảo luận nhóm tập trung với các đối tượng khảo sát để xác định các nhân tố quản lý thuế tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Phương pháp định lượng được thực hiện nhằm kiểm định mô hình nghiên cứu, để đo lường mức độ ảnh hưởng và tác động của các nhân tố quản lý thuế đến tuân thủ thuế; được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh để Kiểm tra hệ số Cronbach's Alpha, Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis) và kiểm định mô hình Hồi quy đa biến. Ngoài ra, phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp kết quả phỏng vấn từ các chuyên gia và số liệu khảo sát các doanh nghiệp để góp phần làm rõ tình trạng quản lý thuế của cơ quan quản lý và tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3.2. Nghiên cứu định tính**

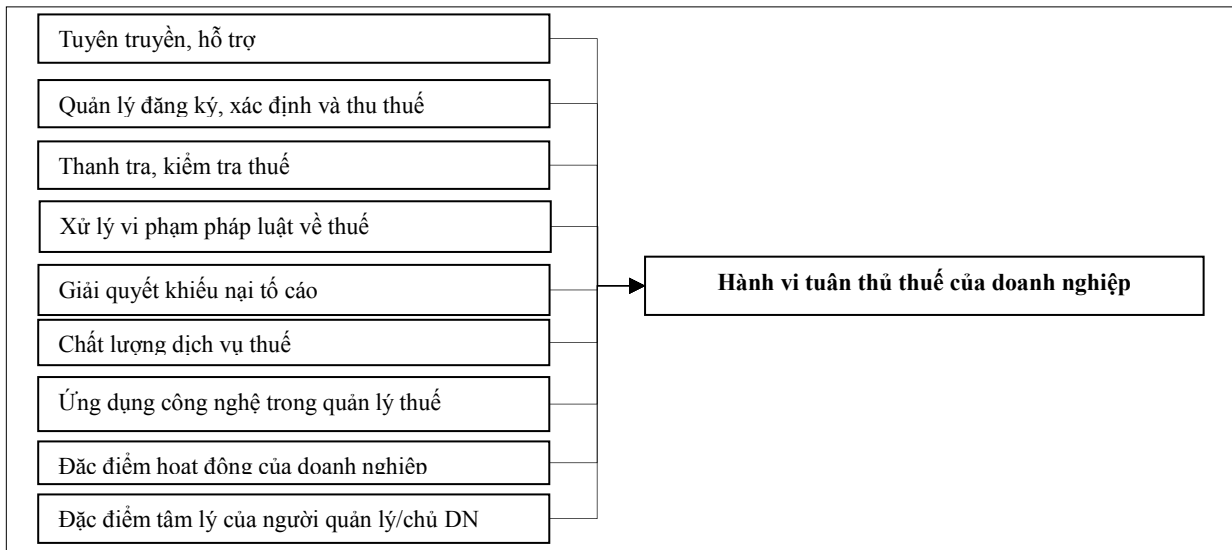
Bước nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu: (1) Đánh giá thực trạng quản lý thuế của cơ quan thuế đối với doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh; (2) Đánh giá thực trạng tuân thủ theo pháp luật về thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh; (3) Nhận diện, điều chỉnh và xác nhận lại các nhân tố quản lý thuế tác động đến tuân thủ thuế của đối tượng nộp thuế doanh nghiệp. Đồng thời, các thang đo cũng được thảo luận, góp ý cho phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Tác giả đã thực hiện nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn các chuyên gia và đại diện của doanh nghiệp với các hình thức gửi email, trao đổi qua điện thoại và gặp mặt trực tiếp trong thời gian từ tháng 07/2018 – 06/2019. Với đối tượng chuyên gia, tác giả đã phỏng vấn, thảo luận, thu thập ý kiến đánh giá của 56 đối tượng cán bộ, quản lý thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh. Từ kết quả nghiên cứu định tính, tác giả xây dựng được mô hình nghiên cứu, bao gồm các nhân tố và thang đo tương ứng, để tiếp tục thực hiện bước nghiên cứu định lượng.

### **3.3. Nghiên cứu định lượng**

Trên cơ sở kế thừa các lý thuyết, các nghiên cứu thực nghiệm, kết quả phỏng vấn các chuyên gia và đại diện doanh nghiệp, và mục tiêu nghiên cứu là xác định ảnh hưởng của quản lý thuế đối với hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu nhận diện hai nhóm nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp. Mô hình bao gồm các nhân tố thuộc về quản lý của cơ quan thuế dựa trên nội dung quản lý thuế của pháp luật thuế Việt Nam và kế thừa các nghiên cứu trước đây ((1) Tuyên truyền hỗ trợ, (2) Quản lý đăng ký, kê khai và thu thuế, (3) Thanh tra kiểm tra thuế, (4) Xử lý vi phạm pháp luật về thuế, (5) Giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế, (6) Chất lượng dịch vụ thuế, (7) Ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế) và các nhân tố đặc trưng thuộc về doanh nghiệp dựa trên các nghiên cứu trước đây (8) Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, (9) Đặc điểm tâm lý của chủ/người quản lý doanh nghiệp). Mô hình nghiên cứu dự kiến được phác họa trong Hình bên

dưới.

**Hình 3.1. Mô hình nghiên cứu dự kiến**



(Nguồn: tổng hợp và xây dựng của tác giả)

Các nhân tố thuộc về quản lý thuế bao gồm (1) Tuyên truyền hỗ trợ, (2) Quản lý đăng ký, kê khai và thu thuế, (3) Thanh tra kiểm tra thuế, (4) Xử lý vi phạm pháp luật về thuế, (5) Giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế, (6) Chất lượng dịch vụ thuế, (7) Ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế. Trong đó, hai nhân tố truyền thống Chất lượng dịch vụ thuế và Ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế kế thừa từ các nghiên cứu của Parasuraman (1988, 1991), Fred và Frey (2006), Torgler (2007), OECD (2010), Schaupp và cộng sự (2010). Các nhân tố Thanh tra, kiểm tra thuế, và Xử lý vi phạm pháp luật thuế cũng là hai nhân tố truyền thống, kế thừa từ nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây và điều chỉnh phù hợp theo pháp luật về Quản lý thuế của Việt Nam. Các nhân tố còn lại (Tuyên truyền hỗ trợ; Quản lý đăng ký, kê khai và thu thuế; Giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế) được tác giả xây dựng thêm vào dựa trên pháp luật về Quản lý thuế và tham khảo ý kiến của một số chuyên gia trong ngành thuế, tư vấn thuế và một số đối tượng khảo sát thảo luận tập trung. Các nhân tố thuộc về bản thân doanh nghiệp ((8) Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, (9) Đặc

điểm tâm lý của chủ/người quản lý doanh nghiệp) được xác định đưa vào mô hình để cân bằng với các nhân tố thuộc quản lý thuế. Các nhân tố này được kế thừa từ những nghiên cứu trước đây của các tác giả trong và ngoài nước (Bordignon (1993), Falkinger (1995), OECD (2004), Kanybek (2008), Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), Đặng Thị Bạch Vân (2014), Noor và cộng sự (2014), Phan Thị Mỹ Dung và Lê Quốc Hiếu (2015)). Thêm vào đó, biến phụ thuộc của mô hình nghiên cứu dự kiến là Hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Biến phụ thuộc này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây và pháp luật về Quản lý thuế. Đối tượng nghiên cứu (đại diện các doanh nghiệp, bao gồm người quản lý và/hoặc phụ trách kế toán – tài chính của doanh nghiệp) sẽ được khảo sát về nhận định và đánh giá của họ đối với các nhân tố thuộc về quản lý thuế và nhân tố đặc điểm doanh nghiệp, và việc đó ảnh hưởng như thế nào đến mức độ tuân thủ thuế của họ.

Căn cứ vào tổng quan các nghiên cứu và cơ sở lý thuyết, tác giả kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó, đồng thời để giải quyết mục tiêu nghiên cứu của luận án, xây dựng các giả thuyết nghiên cứu liên quan đến mô hình nghiên cứu đề xuất như sau:

**Bảng 3.1. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu**

STT	Tên biến độc lập	Giả thuyết nghiên cứu	Kỳ vọng
H1	Tuyên truyền hỗ trợ (TTHT)	TTHT có tác động cùng chiều với TTT của DN	(+)
H2	Quản lý đăng ký, kê khai và thu thuế (QLT)	QLT có tác động cùng chiều với TTT của DN	(+)
H3	Thanh tra, kiểm tra thuế (TTKT)	TTKT có tác động cùng chiều với TTT của DN	(+)
H4	Xử lý vi phạm pháp luật thuế (XLVP)	XLVP có tác động cùng chiều với TTT của DN	(+)
H5	Giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế (KNTC)	KNTC có tác động cùng chiều với TTT của DN	(+)
H6	Chất lượng dịch vụ thuế (CLDV)	CLDV có tác động cùng chiều với TTT của DN	(+)
H7	Ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế (CNTT)	CNTT có tác động cùng chiều với TTT của DN	(+)

STT	Tên biến độc lập	Giả thuyết nghiên cứu	Kỳ vọng
H8	Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp (DDHD)	DDHD có ảnh hưởng cùng chiều với TTT của DN	(+)
H9	Đặc điểm tâm lý của chủ/người quản lý doanh nghiệp (DDTL)	DDTL có ảnh hưởng cùng chiều với TTT của DN	(+)

(Nguồn: tổng hợp và xây dựng của tác giả)

Tác giả gửi 350 phiếu khảo sát (trực tiếp và qua email) từ tháng 07/2018 đến tháng 06/2019, trong đó số thu về và hợp lệ là 261 phiếu/279 phiếu thu về (đạt tỷ lệ 87%). Đối tượng khảo sát là các doanh nghiệp có trụ sở chính đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Câu hỏi khảo sát được xây dựng và phát triển dựa trên kế thừa cơ sở lý thuyết và các mô hình nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước trước đây (đối với các nhân tố kế thừa), kết hợp với việc xây dựng mới một số câu hỏi khảo sát dựa trên cơ sở pháp luật về Quản lý thuế (đối với các nhân tố mới thêm vào) nhằm tạo tính mới của đề tài nghiên cứu và phù hợp với tuân thủ thuế của đối tượng doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **CHƯƠNG 4 – THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ VÀ TUÂN THỦ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

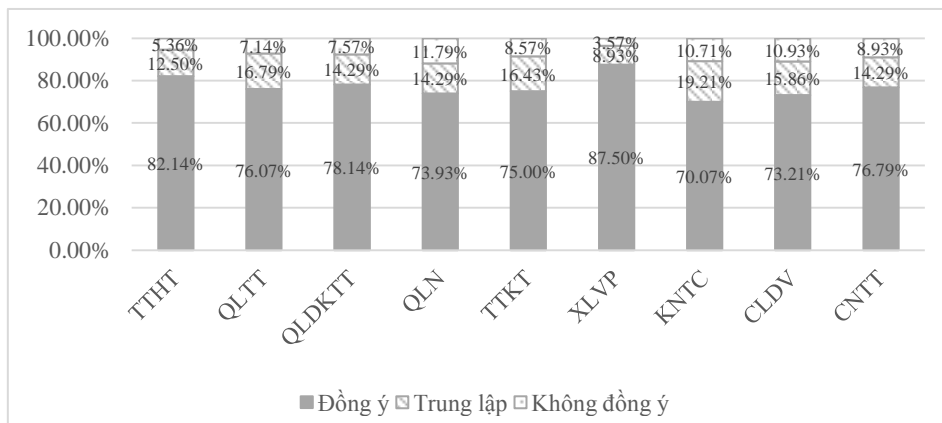
### **4.1. Thực trạng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong giai đoạn 5 năm qua, doanh nghiệp đóng góp khoảng 60% nguồn thu nội địa trên địa bàn. So với tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn, đối tượng doanh nghiệp luôn đóng góp khoảng 1/3 nguồn thu NSNN của Thành phố Hồ Chí Minh. So với số liệu thống kê của cả nước, các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp NSNN chiếm khoảng 1/4 số thu NSNN từ các doanh nghiệp trên toàn quốc. So với tổng thu NSNN của cả nước, các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp khoảng 1/10 tổng số thu NSNN từ tất cả các đối tượng trên cả nước.

## 4.2. Thực trạng quản lý thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Liên quan đến những nội dung chính của quản lý thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được tập trung nghiên cứu trong luận án, tác giả đã tiến hành phỏng vấn, thu thập ý kiến đánh giá của các chuyên gia tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Hình 4.1. Đánh giá về các nội dung chính của quản lý thuế**



(Nguồn: Tác giả tổng hợp, thống kê số liệu phỏng vấn, khảo sát)

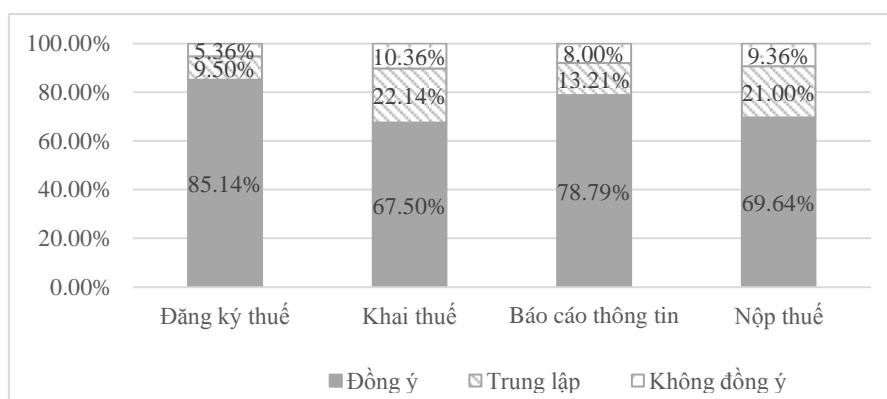
Theo ý kiến đánh giá của các chuyên gia, đa phần các nội dung chính của công tác quản lý thuế của cơ quan thuế tại thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá cao với mức độ đồng thuận các nội dung từ 70% trở lên. Trong các nội dung quản lý thuế được đánh giá, ý kiến đồng thuận cao nhất dành cho nội dung xử lý vi phạm pháp luật về thuế của cơ quan thuế (87,5%), tiếp theo là nội dung là tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế (đạt ý kiến đồng thuận là 82,14%). Nội dung giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế được đánh giá thấp nhất (70,07% ý kiến đồng thuận). Thứ nhất, về tuyên truyền hỗ trợ doanh nghiệp: các chuyên gia đánh giá điểm trung bình là 3,54/5 và doanh nghiệp đều được đánh giá với giá trị trung bình từ 3,05 – 3,89. Thứ hai, về quản lý thông tin doanh nghiệp nộp thuế: chuyên gia đánh giá trung bình nội dung quản lý thuế này là 3,34/5, với các nội dung chi tiết được đánh giá trung bình từ 3,21/5 – 3,43/5. Thứ ba, về quản lý đăng ký, kê khai và thu thuế: được đánh giá trung bình ở mức 3,09/5



(doanh nghiệp đánh giá) và 3,55 (chuyên gia đánh giá). Đây là nội dung mà doanh nghiệp đánh giá trung bình thấp nhất. Thứ tư, về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: chuyên gia đánh giá ở mức trung bình 3,66/5, mức đánh giá khá cao so với các nội dung quản lý thuế khác. Thứ năm, về thanh tra, kiểm tra thuế: các chuyên gia và doanh nghiệp không có nhiều chênh lệch, với mức trung bình 3,47/5 (chuyên gia đánh giá) và mức trung bình 3,38/5 (doanh nghiệp đánh giá). Thứ sáu, về xử lý vi phạm pháp luật thuế: các chuyên gia (trung bình 3,61/5) và doanh nghiệp (trung bình 3,59/5) đánh giá khá tốt so với các nội dung còn lại. Thứ bảy, về giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế: các chuyên gia đánh giá ở mức trung bình 3,39/5 và doanh nghiệp đánh giá mức trung bình 3,16/5. Thứ tám, về chất lượng dịch vụ thuế: nhiều đánh giá cao của các doanh nghiệp (mức đánh giá trung bình 3,65/5) và chuyên gia (mức đánh giá trung bình 3,49/5). Thứ chín, về ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế: mức trung bình 3,61/5 và 3,32/5. Các nội dung ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế được các chuyên gia tán thành cao hơn cảm nhận của các doanh nghiệp.

#### 4.3. Thực trạng tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

**Hình 4.2. Đánh giá về các nội dung tuân thủ thuế của doanh nghiệp**



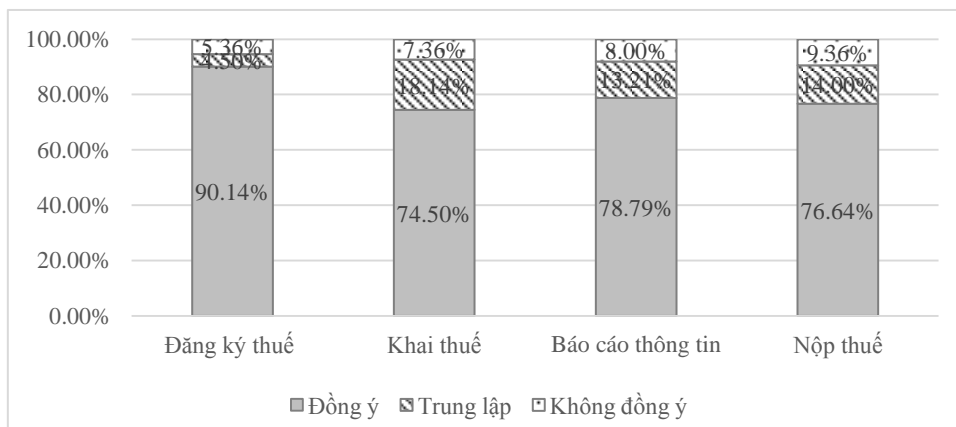
(Nguồn: Tác giả tổng hợp, thống kê số liệu khảo sát)

Dựa trên đánh giá của các chuyên gia quản lý thuế đối với các doanh nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có ý thức khá cao về tuân thủ theo pháp luật thuế. Dựa trên kinh nghiệm quản lý các doanh nghiệp trên địa bàn, các chuyên gia cũng đánh giá mức độ tuân thủ của doanh

ngành ở mức khá cao. Trong đó, nội dung tuân thủ đăng ký thuế của doanh nghiệp được đánh giá cao nhất. Nội dung tuân thủ khai thuế của doanh nghiệp được đánh giá thấp nhất.

Về phía các doanh nghiệp được khảo sát trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, theo số liệu khảo sát, hơn 70% các doanh nghiệp tự đánh giá tuân thủ các nội dung của pháp luật về thuế. Nhìn chung phần lớn các doanh nghiệp được khảo sát trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh lựa chọn đồng ý tuân thủ theo pháp luật thuế, trong đó có 90,14% doanh nghiệp đồng ý tuân thủ đăng ký thuế, 74,5% doanh nghiệp đồng ý tuân thủ khai thuế, 78,79% doanh nghiệp đồng ý tuân thủ báo cáo đầy đủ thông tin về thuế, và 76,64% doanh nghiệp đồng ý tuân thủ việc nộp thuế theo quy định.

**Hình 4.3. Tự đánh giá của Doanh nghiệp về các nội dung tuân thủ thuế**



(Nguồn: Tác giả tổng hợp, thống kê số liệu khảo sát)

Sự đánh giá của các chuyên gia quản lý thuế và tự đánh giá của các doanh nghiệp có sự chênh lệch. Tuy nhiên, nội dung tuân thủ quy định pháp luật thuế về đăng ký thuế vẫn chiếm tỷ lệ đồng thuận cao nhất. Đây là nội dung bắt buộc đầu tiên của một đối tượng nộp thuế. Khi các doanh nghiệp đăng ký hoạt động, việc đăng ký mã số thuế là bắt buộc và thủ tục thực hiện đơn giản, do đó mức độ tuân thủ cao hơn so với các nghĩa vụ thuế khác. Tương tự, nghĩa vụ báo cáo các thông tin liên quan đến thuế được đánh giá mức độ tuân thủ cao thứ hai. Cuối cùng là hai nội dung về nghĩa vụ khai thuế và nộp thuế, được các chuyên

gia và doanh nghiệp tự đánh giá mức độ tuân thủ thấp nhất trong bốn nội dung về nghĩa vụ thuế.

#### 4.4. Các nhân tố quản lý thuế tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

**Kiểm định chất lượng của thang đo:** Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha, mô hình còn 10 thang đo đảm bảo chất lượng tốt với 41 biến quan sát.

**Phân tích nhân tố khám phá (EFA):** Kết quả thể hiện có 08 nhân tố đại diện tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh khác với mô hình lý thuyết ban đầu (gồm 09 nhân tố).

#### Phân tích Hồi quy đa biến

Kết quả kiểm định hệ số hồi quy thể hiện trong bảng Hệ số hồi quy cho biết các biến nào có ý nghĩa trong mô hình nghiên cứu (giá trị Sig.  $\leq 0,05$ ) và mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc (hệ số Beta).

**Bảng 4.1. Hệ số hồi quy tuyến tính đa biến**

Hệ số<sup>a</sup>

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	95.0% Khoảng tin cậy đối với B		Tương quan			Đa cộng tuyến		
	B	Sai số chuẩn				Dưới	Trên	Khôn g thứ bậc	Tùng phần	Bán phần	Hệ số Tolerance	VIF	
1 (Hằng số)	.000	.041		.000	1.000	-.081	.081						
F1 (QLT)	.131***	.041	.131	3.173	.002	.050	.212	.131	.196	.131	1.000	1.000	
F2 (DDHD)	.165***	.041	.165	3.998	.000	.084	.246	.165	.244	.165	1.000	1.000	
F3 (CNTT)	.194***	.041	.194	4.695	.000	.112	.275	.194	.284	.194	1.000	1.000	
F4 (TTKT)	.220***	.041	.220	5.322	.000	.138	.301	.220	.318	.220	1.000	1.000	
F5 (XLVP)	.435***	.041	.435	10.543	.000	.354	.516	.435	.553	.435	1.000	1.000	
F6 (DDTL)	.091**	.041	.091	2.197	.029	.009	.172	.091	.137	.091	1.000	1.000	
F7 (CLDV)	.426***	.041	.426	10.312	.000	.344	.507	.426	.545	.426	1.000	1.000	
F8 (TTHT)	.249***	.041	.249	6.046	.000	.168	.331	.249	.356	.249	1.000	1.000	

a. Biến phụ thuộc: TTT

(Nguồn: Tác giả kiểm định số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0)

#### Bảng 4.2. Tóm tắt mô hình

Tóm tắt mô hình<sup>b</sup>

Mô hình	R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Thống kê thay đổi					Durbin-Watson
					R <sup>2</sup> thay đổi	F thay đổi	df1	df2	Sig. F thay đổi	
1	.756 <sup>a</sup>	.571	.557	.66537930	.571	41.908	8	252	.000	2.122

a. Dự đoán: (Hàng số), F8, F7, F6, F5, F4, F3, F2, F1

b. Biến phụ thuộc: TTT

(Nguồn: Tác giả kiểm định số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0)

Trong Bảng Tóm tắt Mô hình, R<sup>2</sup> hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là 0,557. Kết quả này cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính đa biến này phù hợp với tập dữ liệu của mẫu nghiên cứu khảo sát ở mức 55,7%, tức là các biến độc lập giải thích được 55,7% biến thiên của biến phụ thuộc là Tuân thủ thuế của Doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Phần còn lại 44,3% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Các hệ số hồi quy chuẩn hóa có thể chuyển đổi thành dạng phần trăm như sau:

**Bảng 4.3. Vị trí quan trọng của các nhân tố**

<b>Biến độc lập</b>	<b>Giá trị tuyệt đối</b>	<b>%</b>
F1 (QLT)	0.131	6.86
F2 (DDHD)	0.165	8.63
F3 (CNTT)	0.194	10.15
F4 (TKKT)	0.220	11.51
F5 (XLVP)	0.435	22.76
F6 (DDTL)	0.091	4.76
F7 (CLDV)	0.426	22.29
F8 (TTHT)	0.249	13.03
Tổng số	1.911	100.00

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Kết luận: thông qua các kiểm định, có thể khẳng định rằng các nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp theo thứ tự tầm quan trọng được trình bày trong Bảng 4.3. Các nhân tố truyền thống kế thừa từ các nghiên cứu trước đây (Xử lý vi phạm pháp luật về thuế, Chất lượng dịch vụ thuế, Thanh tra

kiểm tra thuế, Ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế, Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, và Đặc điểm tâm lý của chủ/người quản lý doanh nghiệp) đều có tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, các nhân tố này đều có tác động cùng chiều với tuân thủ thuế của doanh nghiệp, tương đồng với kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu trước đó. Bên cạnh đó, các nhân tố đề xuất mới dựa trên cơ sở pháp luật về Quản lý thuế của Việt Nam (Tuyên truyền hỗ trợ; Quản lý đăng ký, xác định, thu thuế và giải quyết khiếu nại tố cáo) đều cũng có tác động rõ rệt đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Các nhân tố này cũng có tác động cùng chiều với tuân thủ thuế của doanh nghiệp. Điều này cũng phù hợp với với cơ sở lý thuyết và cơ sở pháp lý về quản lý thuế và tuân thủ thuế. Có nghĩa là khi công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp và công tác Quản lý đăng ký, xác định, thu thuế và giải quyết khiếu nại tố cáo đối với doanh nghiệp của cơ quan thuế càng hiệu quả, càng được doanh nghiệp đánh giá đồng thuận thì mức tuân thủ thuế của các doanh nghiệp sẽ càng được nâng cao.

## **CHƯƠNG 5 – GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ ĐỂ THúc ĐẨY TUÂN THỦ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

### **5.1. Kết luận rút ra từ mô hình nghiên cứu**

Kết quả của nghiên cứu kiểm định cho thấy các nhân tố tác động đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 8 nhân tố như sau: (1) Xử lý vi phạm pháp luật thuế, (2) Chất lượng dịch vụ thuế, (3) Tuyên truyền, hỗ trợ, (4) Thanh tra, kiểm tra thuế, (5) Ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế, (6) Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, (7) Quản lý đăng ký, xác định, thu thuế và giải quyết khiếu nại tố cáo, và (8) Đặc điểm tâm lý doanh nghiệp.

## **5.2. Đề xuất giải pháp tăng cường quản lý thuế nhằm thúc đẩy tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh**

### *Giải pháp đối với cơ quan thuế tại Thành phố Hồ Chí Minh*

*Tăng cường xử lý vi phạm pháp luật về thuế:* hướng dẫn rõ ràng; xử lý vi phạm công chính, liêm minh và đúng theo quy định; ứng dụng ứng dụng công nghệ; tuyên truyền, thông báo rộng rãi; theo dõi, thống kê tình hình tuân thủ của các doanh nghiệp.

*Nâng cao chất lượng dịch vụ thuế:* xây dựng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ rõ ràng, phù hợp, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm có tính đến đặc điểm của địa bàn và đơn vị sẽ được đầu tư; áp dụng các hình thức dịch vụ thuế ngoài đối với một số lĩnh vực đặc thù theo quy định của Nhà nước; xây dựng lòng tin của đối với doanh nghiệp trong công tác quản lý thuế trên địa bàn thành phố; nghiên cứu cụ thể, thường xuyên khảo sát, trao đổi với doanh nghiệp để hiểu rõ nhu cầu của họ, nhất là các doanh nghiệp mới thành lập; phương pháp/chiến lược quản lý nên tương ứng với các cấp độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp được phân nhóm cụ thể.

*Tăng cường tuyên truyền hỗ trợ:* đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phù hợp; cập nhật thường xuyên; cán bộ thuế cần có kiến thức về pháp luật thuế vững chắc, kinh nghiệm thực thi pháp luật thuế, hệ thống thư viện văn bản tham khảo đầy đủ để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp khi họ gặp vướng mắc.

*Tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế:* xây dựng tiêu chuẩn công chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế; áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong tất cả các khâu của công tác kiểm tra, thanh tra; đổi mới toàn diện hoạt động thanh tra, kiểm tra theo hướng thống nhất, hiện đại, chính quy; nghiên cứu, áp dụng hình thức thanh tra, kiểm tra bằng phương pháp điện tử; tái thiết kế quy trình nghiệp vụ trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế, tích hợp với các quy trình quản lý thuế liên quan.

*Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế:* phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế có tính liên kết, tự động hóa cao, gắn chặt với quá trình cải cách thủ tục hành chính thuế và áp dụng thuế điện tử; xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ; Dịch vụ Thuế điện tử – eTax.

*Tăng cường quản lý đăng ký, kê khai, thu thuế và giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế:* Hồ sơ, thủ tục về đăng ký thuế cần đơn giản, rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện; tăng cường sự hỗ trợ của công nghệ thông tin trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại; minh bạch hóa công tác giải quyết khiếu nại; sử dụng kết quả giải quyết khiếu nại như một đầu vào để phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách thuế.

*Tăng cường quản lý thông tin doanh nghiệp nộp thuế:* nâng cấp, cập nhật để đảm bảo thông tin về doanh nghiệp nộp thuế chính xác; bảo mật theo đúng quy định.

*Tăng cường quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:* đảm bảo hệ thống đối chiếu nợ thuế cập nhật đầy đủ và chính xác; giao chỉ tiêu thu nợ; thực hiện giám sát, đôn đốc triển khai công tác thu nợ đúng quy trình, quy định.

*Giải pháp đối với doanh nghiệp:* báo cáo trung thực và đầy đủ những thông tin về hoạt động, kế toán – thuế cần thiết theo luật định; hiểu rõ vai trò, vị trí, quyền và nghĩa vụ, cũng như những quy định có liên quan đến hệ thống thuế để tuân thủ đúng quy định.

**5.3. Các điều kiện thực hiện các giải pháp:** Hoàn thiện hệ thống pháp lý về thuế; Nâng cao năng lực của nguồn nhân lực quản lý thuế; Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý; Nguồn lực tài chính.

#### **5.4. Những hạn chế của luận án và hướng nghiên cứu tiếp theo**

*Hạn chế của luận án:* chỉ tập trung vào nghiên cứu hành vi và mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp; các nhân tố thuộc phạm vi quản lý thuế hoặc chịu ảnh hưởng của quản lý thuế có ảnh hưởng và tác động đến hành vi tuân thủ thuế

của doanh nghiệp; góc độ nghiên cứu thông qua tham khảo ý kiến phỏng vấn và thảo luận của chuyên gia (cán bộ quản lý thuế, tư vấn thuế) và khảo sát ý kiến của đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp; số mẫu nghiên cứu chỉ thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

*Hướng nghiên cứu đề xuất:* nghiên cứu đối tượng nộp thuế nói chung, hoặc cá nhân, ...; nhân tố khác tác động đến tuân thủ thuế của đối tượng nộp thuế chưa được kiểm định như: nhân tố xã hội, nhân tố kinh tế, nhân tố pháp luật, chính sách thuế, đặc điểm ngành kinh doanh, ...; đề tài nghiên cứu có thể được khai thác dưới góc độ những người làm công tác về quản lý thuế, chính sách thuế, ... ; phạm vi nghiên cứu cả nước, hoặc trên phạm vi vùng kinh tế Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, ... để tăng tính khái quát của đề tài nghiên cứu.



## KẾT LUẬN

Trong 5 chương của luận án, các mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu đề ra ban đầu về “*Quản lý thuế nhằm thúc đẩy tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh*” được hoàn thành.

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa lý thuyết về quản lý thuế, hành vi tuân thủ thuế, các nhân tố quản lý thuế ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp.

Thứ hai, luận án phân tích thực trạng quản lý thuế và tuân thủ thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời luận án cũng xác định các nhân tố quản lý thuế ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, kiểm định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố này đến tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Từ thực trạng trên rút ra các nhận xét về hạn chế, tồn tại trong quản lý thuế.

Thứ ba, luận án đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý thuế nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh những kết quả nghiên cứu đạt được, luận án không tránh khỏi những hạn chế do điều kiện thời gian và chi phí hạn chế như chỉ tập trung vào đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp, phương pháp khảo sát đối với mẫu nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh, ... Luận án cũng đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo về các nội dung chưa được nghiên cứu sâu.